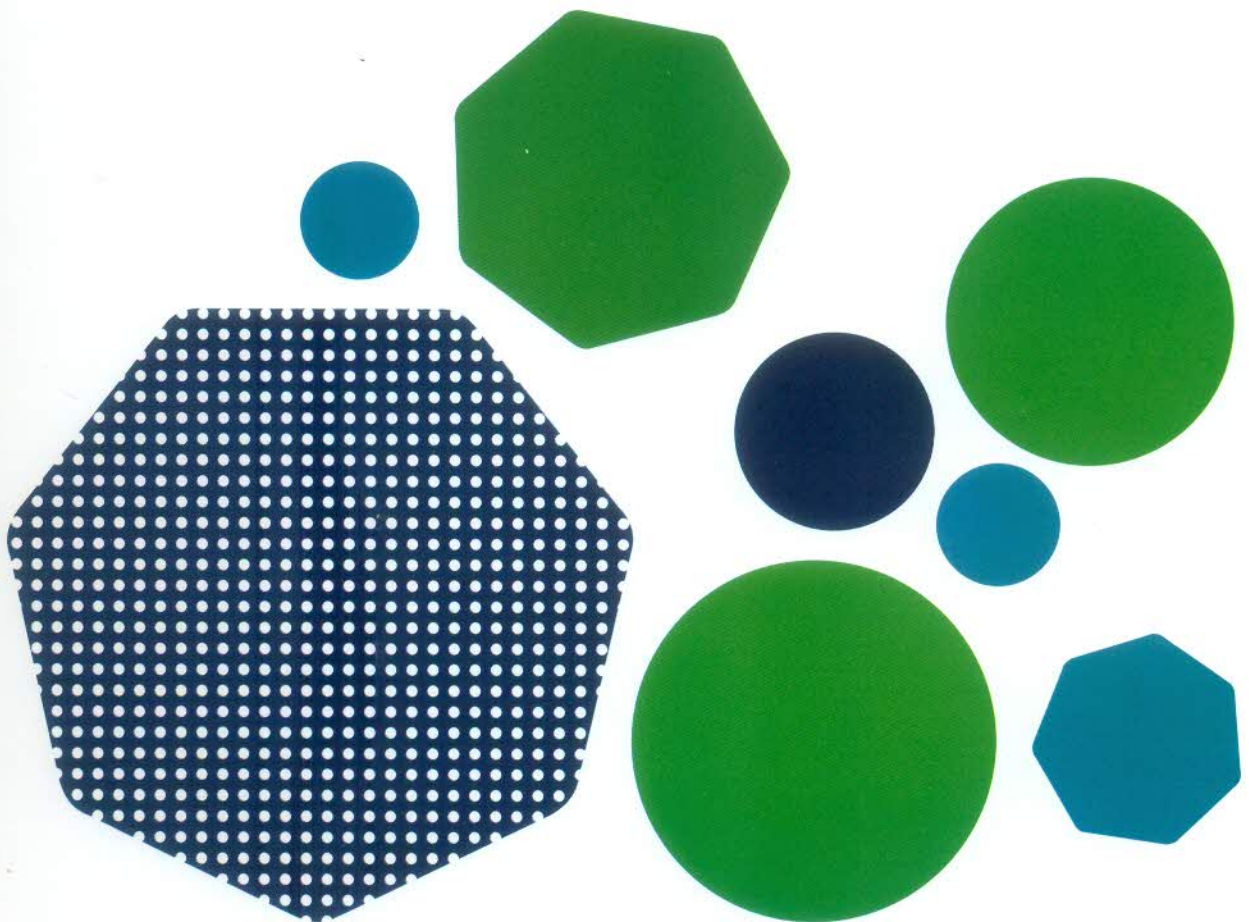


**CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ ĐIỆN ĐẮK RỒA**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 34

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkrōsa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 từ trang 6 đến trang 34 kèm theo.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2016 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Huỳnh Văn Khánh	Chủ tịch	
Ông Bùi Văn Phát	Thành viên	
Ông Nguyễn Công Thắng	Thành viên	Bỏ nhiệm từ ngày 27/05/2016
Ông Nguyễn Văn Hội	Thành viên	
Ông Nguyễn Đình Tuy	Thành viên	
Ông Phạm Quang Độ	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 27/05/2016

#### **Ban Kiểm soát**

Bà Nguyễn Thị Như Hoa	Trưởng ban kiểm soát	Bỏ nhiệm từ ngày 27/05/2016
Ông Hồ Thành Công	Thành viên	Bỏ nhiệm từ ngày 27/05/2016
Bà Nguyễn Thị Bắc	Thành viên	Bỏ nhiệm từ ngày 27/05/2016

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Nguyễn Đình Tuy	Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm từ ngày 07/04/2016
---------------------	---------------	-----------------------------

Kế toán trưởng của Công ty trong năm 2016 và đến ngày lập Báo cáo này là Bà Nguyễn Thị Minh Hồng.

### **CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 kèm theo.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA – Chi nhánh tại Tp. Hồ Chí Minh.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Nguyễn Đình Tuy**  
**Tổng Giám đốc**

Gia Lai, ngày 10 tháng 03 năm 2017

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkrosa

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkrosa, được lập ngày 10 tháng 03 năm 2017, từ trang 6 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkrosa tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến mục số 19.1 Thuyết minh Báo cáo tài chính: Tổng Công ty Xây dựng Miền Trung đã góp vốn đầu tư vào Công ty bằng giá trị thương hiệu Cosevco là 2 tỷ đồng, Công ty đã ghi tăng vốn chủ sở hữu tương ứng với việc ghi tăng tài sản cố định vô hình, đến thời điểm 31/12/2014 giá trị của thương hiệu đã được khấu hao hết. Theo Thông tư 200/2014/TT – BTC hướng dẫn chế độ kế toán ban hành ngày 22/12/2014 áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015, khi pháp luật chưa có quy định cụ thể về việc góp vốn bằng thương hiệu thì bên nhận vốn góp không ghi nhận tăng vốn chủ sở hữu giá trị thương hiệu góp vốn. Tuy nhiên trước thời điểm 01/01/2015, Chuẩn mực và chế độ kế toán không hướng dẫn hạch toán khoản vốn góp bằng giá trị thương hiệu, do đó, Công ty không áp điều chỉnh hồi tố khoản vốn góp nêu trên.

Vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên không làm thay đổi ý kiến kiểm toán.



**Lương Ngô Bảo Trân**

**Phó Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
số 1828-2014-112-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY ACA – CHI NHÁNH TẠI TP. HỒ CHÍ MINH**  
*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2017*

**Trần Thanh Vân**

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
số 2196-2017-112-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31/12/2016


TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2016 VND	Tại 01/01/2016 VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>29.097.740.922</b>	<b>28.171.818.700</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	18.091.617.600	13.377.317.288
Tiền	111		791.617.600	13.377.317.288
Các khoản tương đương tiền	112		17.300.000.000	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		8.619.655.023	12.996.152.617
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	6.046.369.425	10.359.288.680
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.042.560.713	2.433.863.937
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	203.000.000	203.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	8.398.485.056	8.070.760.171
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(8.070.760.171)	(8.070.760.171)
Hàng tồn kho	140		1.947.283.862	1.355.212.556
Hàng tồn kho	141	9	1.947.283.862	1.355.212.556
Tài sản ngắn hạn khác	150		439.184.437	443.136.239
Thuế GTGT được khấu trừ	152		439.184.437	443.136.239
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>141.425.766.558</b>	<b>150.714.168.207</b>
Các khoản phải thu dài hạn	210		812.000.000	1.015.000.000
Phải thu về cho vay dài hạn	215	7	812.000.000	1.015.000.000
Tài sản cố định	220		138.486.430.327	149.399.168.207
Tài sản cố định hữu hình	221	10	135.935.184.139	146.831.394.962
- Nguyên giá	222		210.199.674.763	208.250.770.167
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(74.264.490.624)	(61.419.375.205)
Tài sản cố định vô hình	227	11	2.551.246.188	2.567.773.245
- Nguyên giá	228		5.243.420.315	5.183.093.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.692.174.127)	(2.615.319.755)
Đầu tư tài chính dài hạn	250		300.000.000	300.000.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253	12	300.000.000	300.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		1.827.336.231	-
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	1.827.336.231	-
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>170.523.507.480</b>	<b>178.885.986.907</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**  
Tại ngày 31/12/2016

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2016	Tại 01/01/2016
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>60.394.417.587</b>	<b>78.676.983.683</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>31.684.429.787</b>	<b>51.676.983.683</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	4.101.563.414	4.633.374.996
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		375.535.190	159.449.690
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	2.001.849.425	2.786.263.320
Phải trả người lao động	314		2.408.432.063	1.792.725.569
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	229.672.540	1.124.160.755
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	17.552.708.179	17.860.753.369
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	5.014.668.976	22.929.318.858
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	390.937.126
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>28.709.987.800</b>	<b>27.000.000.000</b>
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18	28.709.987.800	27.000.000.000
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>110.129.089.893</b>	<b>100.209.003.224</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>110.129.089.893</b>	<b>100.209.003.224</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		79.539.690.000	79.539.690.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu	411a		79.539.690.000	79.539.690.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		1.936.676.379	1.636.676.379
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		28.652.723.514	19.032.636.845
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		18.476.305.845	10.522.337.075
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		10.176.417.669	8.510.299.770
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>170.523.507.480</b>	<b>178.885.986.907</b>

Gia Lai, ngày 10 tháng 03 năm 2017

Người lập

  
Vương Thị Tâm

Kế toán trưởng

  
Nguyễn Thị Minh Hồng

Tổng Giám đốc

  
  
Nguyễn Đình Tuy



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	50.246.075.248	47.362.155.644
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>50.246.075.248</b>	<b>47.362.155.644</b>
Giá vốn hàng bán	11	21	24.708.818.907	24.271.874.018
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp</b>	<b>20</b>		<b>25.537.256.341</b>	<b>23.090.281.626</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	206.481.654	51.482.214
Chi phí tài chính	22	23	3.443.074.353	4.589.592.238
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>3.443.074.353</i>	<i>4.589.592.238</i>
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	5.686.369.794	8.609.213.376
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>16.614.293.848</b>	<b>9.942.958.226</b>
Thu nhập khác	31		-	-
Chi phí khác	32		-	40.186.874
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>-</b>	<b>(40.186.874)</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>16.614.293.848</b>	<b>9.902.771.352</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	870.097.879	1.392.471.582
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>15.744.195.969</b>	<b>8.510.299.770</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	1.979	1.038
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	27	1.979	1.038

Gia Lai, ngày 10 tháng 03 năm 2017

Người lập

  
Lương Thị Tâm

Kế toán trưởng

  
Nguyễn Thị Minh Hồng

Tổng Giám đốc

  
Nguyễn Đình Tuy

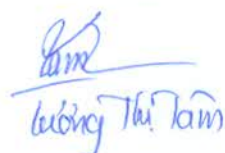


**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
Lợi nhuận trước thuế	01	16.614.293.848	9.902.771.352
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	12.921.969.791	12.803.360.541
Các khoản dự phòng	03	-	4.033.873.919
(Lãi)/Lỗ hoạt động đầu tư	05	(206.481.654)	(51.482.214)
Chi phí lãi vay	06	3.443.074.353	4.589.592.238
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	08	32.772.856.338	31.278.115.836
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	4.434.040.932	(6.034.584.785)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(592.071.306)	(1.017.017.798)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(5.273.345.105)	(2.987.519.635)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(1.827.336.231)	-
Tiền lãi vay đã trả	14	(4.337.562.568)	(4.381.350.150)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.957.009.747)	(1.399.507.122)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	335.781.874	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(983.050.000)	(561.750.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	22.572.304.187	14.896.386.346
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(2.009.231.911)	(1.750.566.329)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	203.000.000	203.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	152.890.118	51.482.214
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	(1.653.341.793)	(1.496.084.115)
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	7.709.987.800	15.000.000.000
Tiền trả nợ gốc vay	34	(23.914.649.882)	(17.000.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	(16.204.662.082)	(2.000.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	50	4.714.300.312	11.400.302.231
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	60	5 13.377.317.288	1.977.015.057
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	70	5 18.091.617.600	13.377.317.288

Gia Lai, ngày 10 tháng 03 năm 2017

Người lập

  
Lương Thị Tâm

Kế toán trưởng

  
Nguyễn Thị Minh Hồng

Tổng Giám đốc

  
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮKROSA  
TP. PLEIKU, TỈNH GIA LAI  
Nguyễn Đình Tuy

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkrosa là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 5900189597 cấp lần đầu ngày 06/01/2006. Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tám ngày 04/07/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh là 79.539.690.000 đồng, chia thành 7.953.969 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Trong đó:

- Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ nắm giữ 4.893.443 cổ phần tương ứng với 48.934.430.000 đồng, chiếm 62% vốn điều lệ;
- Các cổ đông khác nắm giữ 3.060.526 cổ phần tương ứng với 30.605.260.000 đồng, chiếm 38% vốn điều lệ.

Trụ sở giao dịch: 117 Lê Đại Hành, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

**1.2 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH**

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong kỳ theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Đầu tư xây dựng thủy điện vừa và nhỏ, kinh doanh điện năng và phát triển nhà ở;
- Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, bưu điện, đường dây và trạm biến thế điện;
- Khai hoang phục hóa đồng ruộng;
- Khai thác chế biến khoáng sản;
- Đầu tư xây dựng công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp;
- Sản xuất kinh doanh, vật tư, phụ tùng thiết bị, vật liệu xây dựng, dịch vụ cho thuê và sửa chữa máy thi công;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Buôn bán máy móc, thiết bị điện vật liệu điện;
- Gia công lắp đặt thiết bị cơ khí thủy công;
- Lắp đặt thiết bị thủy điện.

**2 KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**2.1 KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

**2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**3 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/TT-BTC ngày 22/12/2014, và Thông tư 53/2016/T-BTC (“Thông tư 53”) của Bộ Tài chính ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200.

**3.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành để lập và trình bày các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

**4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU****4.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4.2 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**4.3 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại thời điểm cuối năm là chi phí thực hiện dự án Thủy điện Đại Nga.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

**4.4 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN**

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****4.4 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN (TIẾP)**

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	20
Máy móc thiết bị	7
Phương tiện vận tải truyền dẫn	8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5

**4.5 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất của Công ty được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng phù hợp với thời gian sử dụng đất.

Thương hiệu Cosevco do Tổng Công ty Xây Dựng Miền Trung góp vốn được Công ty phân bổ vào chi phí trong 10 năm.

Phần mềm kế toán được phân bổ vào chi phí trong 3 năm.

**4.6 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

Các khoản đầu tư vào đơn vị khác gồm các khoản đầu tư góp vốn với mục đích nắm giữ lâu dài. Giá phí các khoản đầu tư được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Thời điểm ghi nhận các khoản đầu tư tài chính dài hạn là thời điểm chính thức có quyền sở hữu. Khi lập Báo cáo tài chính, Công ty xác định giá trị khoản đầu tư bị tổn thất căn cứ vào Báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư.

**4.7 CHI PHÍ ĐI VAY**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.8 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ**

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**4.9 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty được hưởng một số ưu đãi về thuế suất và miễn giảm thuế theo quy định tại phần H của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 và hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

- Đối với Dự án Nhà máy Thủy điện Đăkrosa, Công ty được hưởng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong thời hạn 15 năm kể từ khi có doanh thu.
- Được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ khi có doanh thu.

Công ty có doanh thu từ năm 2007, nên được miễn thuế từ năm 2007 đến 2010, áp dụng thuế suất 10% từ năm 2011 đến năm 2021 và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm, từ năm 2011 đến 2019.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tuỳ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.10 BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Thông tin bộ phận được trình bày theo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của công ty. Báo cáo chính yếu, bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh, được dựa vào cơ cấu báo cáo nội bộ và quản lý của Công ty. Theo đó, hoạt động theo địa lý của Công ty chủ yếu gồm: Nhà máy Đăkrosa và nhà máy Đăkrosa 2, văn phòng.

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

**4.11 BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng tập đoàn;
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Theo đó, Bên liên quan của Công ty là Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ, các Công ty con, Công ty liên kết do Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ đầu tư và chi phối, các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc của Công ty và Các cổ đông nắm giữ số lượng cổ phiếu đáng kể.

**4.12 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

***Ghi nhận ban đầu***

***Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

***Công nợ tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.12 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

*Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu*

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Tại 31/12/2016 VND	Tại 01/01/2016 VND
Tiền mặt	316.841.559	828.026.506
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	474.776.041	12.549.290.782
Các khoản tương đương tiền (*)	17.300.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>18.091.617.600</b>	<b>13.377.317.288</b>

(\*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc 01 tháng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Chi nhánh Tỉnh Gia Lai và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước.

**6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	Tại 31/12/2016 VND	Tại 01/01/2016 VND
<b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>6.046.369.425</b>	<b>10.359.288.680</b>
- Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	5.966.870.567	10.236.337.822
- Các khoản phải thu khách hàng khác	79.498.858	122.950.858
<b>Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>5.966.870.567</b>	<b>10.236.337.822</b>
- Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	5.966.870.567	10.236.337.822

**7. PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	Tại 31/12/2016		Tại 01/01/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>203.000.000</b>	-	<b>203.000.000</b>	-
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung (*)	203.000.000	-	203.000.000	-
<b>Dài hạn</b>	<b>812.000.000</b>	-	<b>1.015.000.000</b>	-
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung (*)	812.000.000	-	1.015.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.015.000.000</b>	-	<b>1.218.000.000</b>	-



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**7. PHẢI THU VỀ CHO VAY (TIẾP)**

(\*) Đây là khoản Công ty cho Tổng Công ty Điện lực Miền Trung mượn để thực hiện dự án đầu tư công trình “Chống quá tải đường dây 110KV Pleiku - Kon Tum” theo biên bản thỏa thuận ngày 14/06/2011.

**8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	Tại 31/12/2016		Tại 01/01/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Khoản phải thu không xác định được đối tượng (*)	8.070.760.171	8.070.760.171	8.070.760.171	8.070.760.171
Tạm ứng	271.548.000	-	-	-
Bảo hiểm xã hội	2.585.349	-	-	-
Phải thu lãi dự thu tiền gửi ngân hàng	53.591.536	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>8.398.485.056</b>	<b>8.070.760.171</b>	<b>8.070.760.171</b>	<b>8.070.760.171</b>

(\*) Đây là các khoản công nợ phải thu đã tồn đọng từ trước giai đoạn cổ phần hóa (trước năm 1999) nhưng đến nay vẫn chưa thu hồi được. Công ty đã trích lập dự phòng 100% cho khoản công nợ này với giá trị 8.070.760.171 đồng.

**9. HÀNG TỒN KHO**

	Tại 31/12/2016		Tại 01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	284.545.455	-	-	-
Công cụ, dụng cụ	68.100.000	-	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.594.638.407	-	1.355.212.556	-
<b>Cộng</b>	<b>1.947.283.862</b>	<b>-</b>	<b>1.355.212.556</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại 01/01/2016	206.497.540.076	815.956.273	780.464.727	156.809.091	208.250.770.167
- Mua trong năm	931.338.621	1.017.565.975	-	-	1.948.904.596
Tại 31/12/2016	<u>207.428.878.697</u>	<u>1.833.522.248</u>	<u>780.464.727</u>	<u>156.809.091</u>	<u>210.199.674.763</u>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại 01/01/2016	(60.430.550.004)	(212.223.776)	(725.837.660)	(50.763.765)	(61.419.375.205)
- Khấu hao trong năm	(12.606.679.724)	(167.981.225)	(54.627.067)	(15.827.403)	(12.845.115.419)
Tại 31/12/2016	<u>(73.037.229.728)</u>	<u>(380.205.001)</u>	<u>(780.464.727)</u>	<u>(66.591.168)</u>	<u>(74.264.490.624)</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại 01/01/2016	<u>146.066.990.072</u>	<u>603.732.497</u>	<u>54.627.067</u>	<u>106.045.326</u>	<u>146.831.394.962</u>
Tại 31/12/2016	<u>134.391.648.969</u>	<u>1.453.317.247</u>	<u>-</u>	<u>90.217.923</u>	<u>135.935.184.139</u>

Nguyên giá Tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2016 là 5.082.763.725 đồng.

Giá trị còn lại Tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp đảm bảo các khoản vay là 33.573.866.519 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất (*) VND	Thương hiệu Cosevco VND	Phần mềm kế toán VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại 01/01/2016	3.113.893.000	2.000.000.000	69.200.000	5.183.093.000
- Tăng khác (*)	60.327.315	-	-	60.327.315
Tại 31/12/2016	<u>3.174.220.315</u>	<u>2.000.000.000</u>	<u>69.200.000</u>	<u>5.243.420.315</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>				
Tại 01/01/2016	(546.119.755)	(2.000.000.000)	(69.200.000)	(2.615.319.755)
- Khấu hao trong năm	(76.854.372)	-	-	(76.854.372)
Tại 31/12/2016	<u>(622.974.127)</u>	<u>(2.000.000.000)</u>	<u>(69.200.000)</u>	<u>(2.692.174.127)</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại 01/01/2016	<u>2.567.773.245</u>	-	-	<u>2.567.773.245</u>
Tại 31/12/2016	<u>2.551.246.188</u>	-	-	<u>2.551.246.188</u>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là: 69.200.000 đồng.

(\*) Giá trị quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất thửa 34 tại 117 Lê Đại Hành, Phường Đồng Đa, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai. Thời hạn sử dụng đất đối với đất trồng cây lâu năm, đất thương mại, dịch vụ là đến năm 2043. Thời hạn sử dụng đất đối với đất cơ sở sản xuất kinh doanh là đến ngày 03/04/2058.
- Quyền sử dụng đất tại Xã Ngọc Tụ - Xã Đăk Trăm - Huyện Đăk Tô - Tỉnh Kon Tum. Thời hạn sử dụng đất đến 16/10/2057.
- Quyền sử dụng đất tại Thôn Đăk Chờ - Huyện Đăk Tô - Tỉnh Kon Tum. Thời hạn sử dụng đất đến 13/10/2040.
- Quyền sử dụng đất tại Thôn 6 - Xã Kon Đào - Huyện Đăk Tô - Tỉnh Kon Tum. Thời hạn sử dụng đất đến 13/10/2040.

Trong năm 2016, Công ty có phát sinh khoản tiền thuế đất, trước bạ liên quan đến giá trị quyền sử dụng đất nên được Công ty vốn hóa vào nguyên giá tài sản là 60.327.315 đồng.

**12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

	Tại 31/12/2016			Tại 01/01/2016		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty CP Mỹ Hung Tây Nguyên (*)	300.000.000	300.000.000	-	300.000.000	300.000.000	-
<b>Cộng</b>	<u>300.000.000</u>	<u>300.000.000</u>	<u>-</u>	<u>300.000.000</u>	<u>300.000.000</u>	<u>-</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC (TIẾP)**

(\*) Góp vốn vào Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên để đầu tư dự án Thủy điện Đại Nga.

**13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Tại 31/12/2016 VND	Tại 01/01/2016 VND
<b>Ngắn hạn</b>	-	-
<b>Dài hạn</b>	<b>1.827.336.231</b>	-
- Chi phí trồng rừng	783.252.250	-
- Chi phí cắm cột mốc ranh giới 2 nhà máy	244.083.981	-
- Chi phí thiết bị sửa chữa	800.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.827.336.231</b>	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Tại 31/12/2016		Tại 01/01/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>4.101.563.414</b>	<b>4.101.563.414</b>	<b>4.633.374.996</b>	<b>4.633.374.996</b>
- Công ty CP Xây lắp Hùng Vương	-	-	887.688.224	887.688.224
- Công ty 789 BQP	1.102.139.189	1.102.139.189	1.102.139.189	1.102.139.189
- Công ty HH điện cơ đặc chủng Thái Hòa Giang Tây	435.196.500	435.196.500	435.196.500	435.196.500
- Công ty TNHH điện cơ Côn Minh	977.579.771	977.579.771	977.579.771	977.579.771
- Công ty TNHH xây dựng và thương mại Nhất Huy	500.250.763	500.250.763	-	-
- Phải trả người bán ngắn hạn khác	1.086.397.191	1.086.397.191	1.230.771.312	1.230.771.312
<b>b) Các khoản phải trả người bán dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>c) Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	-	-	-	-

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Tại 01/01/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Tại 31/12/2016
	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế và các khoản phải nộp</b>				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	1.238.641.005	4.585.423.085	4.372.855.752	1.451.208.338
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.308.999.747	870.097.879	1.906.790.552	222.087.879
- Thuế thu nhập cá nhân	4.645.180	137.130.850	131.334.161	10.441.869
- Thuế tài nguyên	129.005.588	3.264.213.376	3.138.201.134	255.017.830
- Thuế môn bài	-	4.000.000	4.000.000	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	104.971.800	843.028.880	884.907.170	63.093.509
<b>Cộng</b>	<b>2.786.263.320</b>	<b>9.703.894.070</b>	<b>10.438.088.769</b>	<b>2.001.849.425</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<b>Tại 31/12/2016</b>	<b>Tại 01/01/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay phải trả ngân hàng	229.672.540	248.230.199
Chi phí lãi vay phải trả Công ty CP Thủy điện Thác Mơ	-	875.930.556
<b>Cộng</b>	<b>229.672.540</b>	<b>1.124.160.755</b>

**17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>Tại 31/12/2016</b>	<b>Tại 01/01/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Cổ tức phải trả cổ đông	14.917.261.311	15.115.506.501
Công ty CP Thủy điện Thác Mơ	-	109.800.000
Công ty CP Tổng Công ty Miền Trung	2.635.446.868	2.635.446.868
<b>Cộng</b>	<b>17.552.708.179</b>	<b>17.860.753.369</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

Nội dung	Tại 31/12/2016		Trong năm		Tại 01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Vay ngắn hạn</b>	<b>5.014.668.976</b>	<b>5.014.668.976</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>22.914.649.882</b>	<b>22.929.318.858</b>	<b>22.929.318.858</b>
- Ngân hàng NN&PTNT Gia Lai (*)	2.014.668.976	2.014.668.976	2.000.000.000	19.914.649.882	19.929.318.858	19.929.318.858
- NHTMCP Công Thương Bình Phước (**)	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
<b>b) Vay dài hạn</b>	<b>28.709.987.800</b>	<b>28.709.987.800</b>	<b>7.709.987.800</b>	<b>6.000.000.000</b>	<b>27.000.000.000</b>	<b>27.000.000.000</b>
- Ngân hàng NN&PTNT Gia Lai	4.709.987.800	4.709.987.800	7.709.987.800	3.000.000.000	-	-
- NHTMCP Công Thương Bình Phước (**)	24.000.000.000	24.000.000.000	-	3.000.000.000	27.000.000.000	27.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>33.724.656.776</b>	<b>33.724.656.776</b>	<b>12.709.987.800</b>	<b>28.914.649.882</b>	<b>49.929.318.858</b>	<b>49.929.318.858</b>

(\*) Là khoản vay ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Chi nhánh Tỉnh Gia Lai theo hợp đồng tín dụng số 1111/HĐTD ngày 08/06/2016 mục đích vay để phục vụ sản xuất kinh doanh Nhà máy Thủy điện Đăkrosa (mua vật tư, thiết bị, sửa chữa lớn công trình...). Số tiền cho vay tối đa là 10.000.000.000 đồng. Thời hạn cho vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 9,13%/năm và được điều chỉnh 3 tháng/ lần hoặc khi có biến động về lãi suất.

Tài sản đảm bảo của hợp đồng vay này là nguồn thu bán điện của Nhà máy Thủy điện Đăkrosa.

(\*\*) Là khoản vay ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước theo hợp đồng tín dụng số 14570015/2014-HĐTDDDA/NHCT504-DAKROSA ngày 29/10/2014, mục đích vay để thanh toán khoản vay đầu tư nhà máy thủy điện Đăkrosa 2 cho ngân hàng NN&PTNT - Chi nhánh Tỉnh Gia Lai, Ngân hàng NN&PTNT Chi nhánh Hoàng Quốc Việt. Thời hạn vay của hợp đồng là 10 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay là lãi suất được ghi trên giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 9,5%/năm và chỉ có giá trị tính lãi cho kỳ đầu tiên đối với những khoản giải ngân phát sinh tại ngày ký hợp đồng.

Tài sản đảm bảo của hợp đồng vay này là tài sản hình thành từ nguồn vốn vay, vốn tự có (toàn bộ giá trị công trình thủy điện Đăkrosa 2) và cầm cố nguồn thu bán điện hình thành trong tương lai.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**19.1 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	Tại 31/12/2016	Tỷ lệ	Tại 01/01/2016	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Công ty Thủy điện Thác Mơ	48.934.430.000	62	48.934.430.000	62
Các cổ đông khác (*)	30.605.260.000	38	30.605.260.000	38
<b>Cộng</b>	<b>79.539.690.000</b>	<b>100</b>	<b>79.539.690.000</b>	<b>100</b>

(\*) Trong tổng giá trị vốn góp của các cổ đông khác, giá trị phần vốn góp của Tổng Công ty Xây dựng Miền Trung 2 tỷ đồng được góp bằng giá trị thương hiệu, Công ty ghi nhận tăng vốn chủ sở hữu tương ứng với việc ghi tăng tài sản cố định vô hình và đến thời điểm 31/12/2014 giá trị của thương hiệu này đã được khấu hao hết. Theo Thông tư 200/2014/TT – BTC hướng dẫn chế độ kế toán ban hành ngày 22/12/2014 áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015, khi pháp luật chưa có quy định cụ thể về việc góp vốn bằng thương hiệu thì bên nhận vốn góp không ghi nhận tăng vốn chủ sở hữu giá trị thương hiệu góp vốn. Tuy nhiên trước thời điểm ngày 01/01/2015, Chuẩn mực và chế độ kế toán không hướng dẫn hạch toán khoản vốn góp bằng giá trị thương hiệu, do đó, Công ty không điều chỉnh hồi tố khoản vốn góp nêu trên.

**19.2 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC LỢI NHUẬN**

	Tại 31/12/2016	Tại 01/01/2016
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	79.539.690.000	79.539.690.000
Vốn góp đầu năm	79.539.690.000	79.539.690.000
Vốn góp cuối năm	79.539.690.000	79.539.690.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**19.3 CỔ PHIẾU**

	Tại 31/12/2016	Tại 01/01/2016
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.953.969	7.953.969
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.953.969	7.953.969
+ Cổ phiếu phổ thông	7.953.969	7.953.969
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.953.969	7.953.969
+ Cổ phiếu phổ thông	7.953.969	7.953.969
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**19.4 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại 01/01/2015</b>	<b>79.539.690.000</b>	<b>936.676.379</b>	<b>11.522.337.075</b>	<b>91.998.703.454</b>
- Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	8.510.299.770	<b>8.510.299.770</b>
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(300.000.000)	<b>(300.000.000)</b>
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	700.000.000	(700.000.000)	-
<b>Tại 31/12/2015</b>	<b>79.539.690.000</b>	<b>1.636.676.379</b>	<b>19.032.636.845</b>	<b>100.209.003.224</b>
<b>Tại 01/01/2016</b>	<b>79.539.690.000</b>	<b>1.636.676.379</b>	<b>19.032.636.845</b>	<b>100.209.003.224</b>
- Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	15.744.195.969	<b>15.744.195.969</b>
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	(256.331.000)	<b>(256.331.000)</b>
- Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	300.000.000	(300.000.000)	-
- Tạm ứng cổ tức năm 2016 (**)	-	-	(5.567.778.300)	<b>(5.567.778.300)</b>
<b>Tại 31/12/2016</b>	<b>79.539.690.000</b>	<b>1.936.676.379</b>	<b>28.652.723.514</b>	<b>110.129.089.893</b>

(\*) Căn cứ Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-DHPC-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 05 năm 2016, Công ty đã thực hiện trích lập các quỹ.

(\*\*) Căn cứ Thông báo số 255/ĐHPC-TCKT ngày 31/12/2016 về việc chốt danh sách cổ đông cuối cùng để thực hiện quyền nhận cổ tức bằng tiền của các năm trước và tạm ứng cổ tức năm 2016, Công ty đã thực hiện tạm ứng cổ tức bằng tiền năm 2016 với tỷ lệ 7% vốn chủ sở hữu theo Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-DHPC-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 05 năm 2016.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
<b>a) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
- Doanh thu bán điện	50.186.075.248	47.362.155.644
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	60.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>50.246.075.248</b>	<b>47.362.155.644</b>
<b>b) Doanh thu với các bên liên quan</b>		
- Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	50.186.075.248	47.362.155.644
- Công ty CP Mỹ Hưng Tây Nguyên	60.000.000	-

**21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giá vốn bán điện	24.708.818.907	24.271.874.018
<b>Cộng</b>	<b>24.708.818.907</b>	<b>24.271.874.018</b>

**22. DOANH THU TÀI CHÍNH**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	206.481.654	51.482.214
<b>Cộng</b>	<b>206.481.654</b>	<b>51.482.214</b>

**23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí lãi vay	3.443.074.353	4.589.592.238
<b>Cộng</b>	<b>3.443.074.353</b>	<b>4.589.592.238</b>

**24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.004.193.236	2.504.243.330
Chi phí dự phòng	-	4.033.873.919
Chi phí bằng tiền khác	1.567.856.499	943.521.268
Chi phí khác	1.114.320.059	1.127.574.859
<b>Cộng</b>	<b>5.686.369.794</b>	<b>8.609.213.376</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nguyên vật liệu	1.632.919.818	1.335.190.543
Chi phí nhân công	6.838.879.418	5.520.643.570
Khấu hao tài sản cố định	12.921.969.789	12.803.360.541
Chi phí dự phòng	-	4.033.873.919
Thuế tài nguyên, phí dịch vụ môi trường rừng	4.106.242.256	4.771.552.736
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.129.291.775	2.887.168.281
Chi phí bằng tiền khác	1.765.885.646	1.529.297.804
<b>Cộng</b>	<b>30.395.188.702</b>	<b>32.881.087.394</b>

**26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>16.614.293.848</b>	<b>9.902.771.352</b>
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	331.809.215	4.355.619.342
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	<i>331.809.215</i>	<i>4.355.619.342</i>
<b>Tổng thu nhập chịu thuế trong năm</b>	<b>16.946.103.063</b>	<b>14.258.390.694</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>1.709.805.456</b>	<b>1.930.070.466</b>
<b>Thuế Thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm</b>	<b>839.707.578</b>	<b>537.598.884</b>
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>870.097.879</b>	<b>1.392.471.582</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

## 27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2016	Năm 2015
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	15.744.195.969	8.510.299.770
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*) (VND)	-	(256.331.000)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	7.953.969	7.953.969
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</b>	<b>1.979</b>	<b>1.038</b>

(\*) Theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán, lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu chưa trừ quỹ khen thưởng phúc lợi do Công ty chưa có số liệu về tỷ lệ trích của quỹ này trong năm 2015. Căn cứ Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 ngày 27/5/2016, Công ty đã trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận 2015 với giá trị là 256.331.000 đồng. Do đó, Công ty đã điều chỉnh lại số liệu so sánh năm 2015 khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu.

Ngoài ra trong năm 2016, lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu chưa trừ quỹ khen thưởng phúc lợi do Công ty chưa có số liệu về tỷ lệ trích của quỹ này trong năm 2016.

## 28. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2016	Năm 2015
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	15.744.195.969	8.510.299.770
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(256.331.000)
Tổng số lượng cổ phiếu	7.953.969	7.953.969
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	7.953.969	7.953.969
+ Cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</b>	<b>1.979</b>	<b>1.038</b>

(\*) Theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán, lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu chưa trừ quỹ khen thưởng phúc lợi do Công ty chưa có số liệu về tỷ lệ trích của quỹ này trong năm 2015. Căn cứ Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 ngày 27/5/2016, Công ty đã trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận 2015 với giá trị là 256.331.000 đồng. Do đó, Công ty đã điều chỉnh lại số liệu so sánh năm 2015 khi tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

Ngoài ra trong năm 2016, lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu chưa trừ quỹ khen thưởng phúc lợi do Công ty chưa có số liệu về tỷ lệ trích của quỹ này trong năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**29. THÔNG TIN BÊN LIÊN QUAN**

Các nghiệp vụ và số dư của Công ty với các bên liên quan cụ thể như sau:

**Giao dịch với các bên liên quan**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
<b>Doanh thu các bên liên quan</b>	<b>50.246.075.248</b>	<b>47.362.155.644</b>
- Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	50.186.075.248	47.362.155.644
Công ty CP Mỹ Hưng Tây Nguyên (*)	60.000.000	-
<b>Mua hàng từ các bên liên quan</b>		
Công ty CP Thủy điện Thác Mơ	-	661.892.754
<b>Chi phí lãi vay các bên liên quan</b>		
Công ty CP Thủy điện Thác Mơ	-	206.250.000
<b><u>Số dư với các bên liên quan</u></b>	<b>Tại 31/12/2016 VND</b>	<b>Tại 01/01/2016 VND</b>
<b>Các khoản phải thu khách hàng</b>	<b>5.966.870.567</b>	<b>10.236.337.822</b>
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	5.966.870.567	10.236.337.822
<b>Các khoản phải thu khác</b>	<b>1.015.000.000</b>	<b>1.218.000.000</b>
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	1.015.000.000	1.218.000.000
<b>Chi phí phải trả</b>	<b>-</b>	<b>875.930.556</b>
Công ty CP Thủy điện Thác Mơ	-	875.930.556
<b>Các khoản phải trả khác</b>	<b>2.635.446.868</b>	<b>2.745.246.868</b>
Công ty CP Thủy điện Thác Mơ	-	109.800.000
Công ty CP Tổng Công ty Miền Trung	2.635.446.868	2.635.446.868
<b><u>Thù lao HĐQT và BKS</u></b>	<b>Năm 2016 VND</b>	<b>Năm 2015 VND</b>
Thù lao HĐQT và BKS	374.000.000	240.000.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**QUẢN LÝ RỦI RO VỐN**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.14.

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

**CÁC LOẠI CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính (“Thông tư 210”) yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Tuy nhiên, Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính, cũng như không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế. Do đó, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính.

	<b>Giá trị ghi số</b>	
	<b>Tại 31/12/2016</b>	<b>Tại 01/01/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.091.617.600	13.377.317.288
Phải thu khách hàng và phải thu khác	7.114.960.961	11.577.288.680
Đầu tư dài hạn	300.000.000	300.000.000
<b>Cộng</b>	<b>25.506.578.561</b>	<b>25.254.605.968</b>
	<b>Tại 31/12/2016</b>	<b>Tại 01/01/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	33.724.656.776	49.929.318.858
Phải trả người bán và phải trả khác	6.737.010.282	7.378.621.864
Chi phí phải trả	229.672.540	1.124.160.755
<b>Cộng</b>	<b>40.691.339.598</b>	<b>58.432.101.477</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**MỤC TIÊU QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**RỦI RO THỊ TRƯỜNG**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

***Quản lý rủi ro lãi suất***

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

***Rủi ro về giá***

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

**RỦI RO TÍN DỤNG**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối năm tài chính. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

RỦI RO TÍN DỤNG (TIẾP)

	Từ 01 năm trở xuống VND	Trên 01 năm đến 05 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tại 31/12/2016</b>				
Vay và nợ	5.014.668.976	28.709.987.800	-	33.724.656.776
Phải trả người bán và phải trả khác	6.737.010.282	-	-	6.737.010.282
Chi phí phải trả	229.672.540	-	-	229.672.540
<b>Cộng</b>	<b>11.981.351.798</b>	<b>28.709.987.800</b>	<b>-</b>	<b>40.691.339.598</b>
<b>Tại 01/01/2016</b>				
Vay và nợ	22.929.318.858	12.000.000.000	15.000.000.000	49.929.318.858
Phải trả người bán và phải trả khác	7.378.621.864	-	-	7.378.621.864
Chi phí phải trả	1.124.160.755	-	-	1.124.160.755
<b>Cộng</b>	<b>31.432.101.477</b>	<b>12.000.000.000</b>	<b>15.000.000.000</b>	<b>58.432.101.477</b>

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 01 năm trở xuống VND	Trên 01 năm đến 05 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tại 31/12/2016</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.091.617.600	-	-	18.091.617.600
Phải thu khách hàng và phải thu khác	6.302.960.961	812.000.000	-	7.114.960.961
Đầu tư dài hạn	-	-	300.000.000	300.000.000
<b>Cộng</b>	<b>24.394.578.561</b>	<b>812.000.000</b>	<b>300.000.000</b>	<b>25.506.578.561</b>
<b>Tại 01/01/2016</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.377.317.288	-	-	13.377.317.288
Phải thu khách hàng và phải thu khác	10.562.288.680	1.015.000.000	-	11.577.288.680
Đầu tư dài hạn	-	-	300.000.000	300.000.000
<b>Cộng</b>	<b>23.939.605.968</b>	<b>1.015.000.000</b>	<b>300.000.000</b>	<b>25.254.605.968</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**30. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)**

**BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO ĐỊA LÝ**

Năm 2016	Nhà máy Đăkrosa	Nhà máy Đăkrosa 2	Văn phòng	Cộng
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	38.635.864.961	11.550.210.287	60.000.000	50.246.075.248
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>38.635.864.961</b>	<b>11.550.210.287</b>	<b>60.000.000</b>	<b>50.246.075.248</b>
Chi phí bộ phận	(17.367.549.992)	(7.341.268.915)	-	(24.708.818.907)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	21.268.314.969	4.208.941.372	60.000.000	25.537.256.341
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	(5.686.369.794)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	-	-	-	<b>19.850.886.547</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	206.481.654	206.481.654
Chi phí tài chính	(2.080.453.520)	(1.362.620.833)	-	(3.443.074.353)
Thu nhập khác	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	(870.097.879)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	-	-	-	<b>15.744.195.969</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**30. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)**

**BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO ĐỊA LÝ (TIẾP)**

Năm 2015	Nhà máy Đăkrosa	Nhà máy Đăkrosa 2	Văn phòng	Cộng
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	36.665.690.616	10.696.465.028	-	47.362.155.644
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>36.665.690.616</b>	<b>10.696.465.028</b>	-	<b>47.362.155.644</b>
Chi phí bộ phận	(24.432.508.947)	(8.448.578.447)	-	(32.881.087.394)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	12.233.181.669	2.247.886.581	-	14.481.068.250
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	-	-	-	<b>14.481.068.250</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	51.482.214	51.482.214
Chi phí tài chính	(1.741.772.948)	(2.847.819.290)	-	(4.589.592.238)
Thu nhập khác	-	-	-	-
Chi phí khác	(29.131.494)	(11.050.380)	-	(40.181.874)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	(1.392.471.582)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	-	-	-	<b>8.510.304.770</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**31. THÔNG TIN KHÁC**

**31.1 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG, KHOẢN CAM KẾT**

Công ty không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

**31.2 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Công ty không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

**31.3 THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC**

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể qui mô hoạt động của mình.

**31.4 SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty đã được kiểm toán. Một số chỉ tiêu so sánh đã được tính toán lại như được nêu tại mục 27 và 28 của Thuyết minh Báo cáo tài chính, cụ thể như sau:

Báo cáo kết quả kinh doanh	Mã số	Năm 2015 theo BCTC 31/12/2015 đã kiểm toán	Năm 2015 sau điều chỉnh
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.070	1.038
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	1.070	1.038

Gia Lai, ngày 10 tháng 03 năm 2017

Người lập

  
Lương Thị Tâm

Kế toán trưởng

  
Nguyễn Thị Minh Hồng

Tổng Giám đốc

  
Nguyễn Đình Tuy

